



**CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
**TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Địa chỉ: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh

ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 - Fax: 0274.3883522

Website: [www.biwase.com.vn](http://www.biwase.com.vn)

Email: [ptnctnmtbd@gmail.com](mailto:ptnctnmtbd@gmail.com)



**KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH HÀNG NGÀY**  
**TẠI CÁC CHI NHÁNH**

| Ngày       | Tên Chi nhánh                      |         | Thông số    |             |             |
|------------|------------------------------------|---------|-------------|-------------|-------------|
|            |                                    |         | pH          | Độ đục      | Clo dư      |
| 28/09/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 7,14 – 7,22 | 0,16        | 0,50 – 0,65 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 7,06 – 7,13 | 0,31 – 0,32 | 0,53 – 0,69 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,24 – 7,74 | 0,23 – 0,39 | 0,58 – 0,65 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,06 – 7,15 | 0,20        | 0,49 – 0,64 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 6,74 – 6,91 | 0,45 – 0,61 | 0,71 – 0,93 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,36 – 7,37 | 0,20 – 0,22 | 0,40 – 0,42 |
| 29/09/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 7,14 – 7,18 | 0,16        | 0,51 – 0,81 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 7,10 – 7,14 | 0,31 – 0,32 | 0,41 – 0,64 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,20 – 7,63 | 0,22 – 0,38 | 0,53 – 0,63 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,06 – 7,17 | 0,20        | 0,58 – 0,69 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 6,74 – 7,38 | 0,37 – 0,74 | 0,72 – 0,92 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,39 – 7,44 | 0,21 – 0,23 | 0,38 – 0,41 |
| 30/09/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 7,16 – 7,24 | 0,16        | 0,49 – 0,70 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 7,03 – 7,09 | 0,32        | 0,59 – 0,76 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,10 – 7,47 | 0,22 – 0,39 | 0,47 – 0,59 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,12 – 7,18 | 0,20        | 0,58 – 0,70 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 6,90 – 7,29 | 0,34 – 0,74 | 0,80 – 1,22 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,45 – 7,49 | 0,20 – 0,22 | 0,34 – 0,40 |

| Ngày       | Tên Chi nhánh                      |         | Thông số    |             |             |
|------------|------------------------------------|---------|-------------|-------------|-------------|
|            |                                    |         | pH          | Độ đục      | Clo dư      |
| 01/10/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 7,13 – 7,17 | 0,16        | 0,53 – 0,85 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 7,08 – 7,13 | 0,32        | 0,45 – 0,66 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,04 – 7,35 | 0,22 – 0,39 | 0,56 – 0,70 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 6,97 – 7,16 | 0,20        | 0,63 – 0,73 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 6,80 – 7,34 | 0,28 – 0,60 | 0,68 – 0,72 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,56 – 7,57 | 0,21 – 0,23 | 0,38 – 0,41 |
| 02/10/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 7,20 – 7,24 | 0,16        | 0,47 – 0,63 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 7,06 – 7,12 | 0,31 – 0,32 | 0,42 – 0,61 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 6,96 – 7,46 | 0,21 – 0,40 | 0,56 – 0,75 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,07 – 7,15 | 0,20        | 0,63 – 0,76 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 6,96 – 7,22 | 0,37 – 1,18 | 0,76 – 0,88 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,67 – 7,73 | 0,21 – 0,22 | 0,38 – 0,41 |
| 03/10/2026 | CNCN Dĩ An                         | Dĩ An 1 | 7,20 – 7,24 | 0,16        | 0,50 – 0,63 |
|            |                                    | Dĩ An 2 | 7,10 – 7,13 | 0,30 – 0,32 | 0,58 – 0,71 |
|            | CNCN Khu Liên Hợp                  |         | 7,03 – 7,39 | 0,19 – 0,40 | 0,44 – 0,69 |
|            | CNCN Nam Tân Uyên                  |         | 7,06 – 7,13 | 0,20        | 0,55 – 0,77 |
|            | CNCN Thủ Dầu Một                   |         | 6,98 – 7,10 | 0,50 – 0,68 | 0,48 – 0,75 |
|            | TNHH MTV Nước<br>Biwase Bình Phước |         | 7,77 – 7,83 | 0,22 – 0,23 | 0,37 – 0,40 |